

Trường hợp, ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho chị Thị U nhưng chị không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Các yêu cầu của anh T về hôn nhân; về con chung và cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận; về tài sản, nợ chung: Không có; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Anh T, chị U, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai, anh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn chị U vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh T và chị U tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2012 đến nay. Việc anh chị ly thân cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét về tình trạng hôn nhân và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị U.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của anh T thấy rằng cháu Th và N đang chung sống ổn định và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh T, chị U không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu nuôi con của anh T, giao các cháu Th, N cho anh T nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên buộc chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu với số tiền là 745.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2021) đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị U chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh T phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh T đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp. Chị U phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Thị U.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Thị U được ly hôn.

[2] Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Nguyễn Văn T, giao các cháu Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày 19/10/2004 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/02/2006 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, buộc chị Thị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi người số tiền 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2021) đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị U chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 05-3-2021 anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001/1540 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Chị U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T, chị U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn